

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng**  
**vùng huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn và các quy định của pháp luật có liên quan;*

*Căn cứ Quyết định số 5588/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045;*

*Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 9182/SXD-QH ngày 05 tháng 12 năm 2024 về việc Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây*

dựng vùng huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045 (kèm theo Tờ trình số 448/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của UBND huyện Thiệu Hóa).

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND huyện Thiệu Hóa và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c Ủy viên UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

H12.(2024)QDPD\_QDQL VH Thiệu Hoa

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Mai Xuân Liêm**

**QUY ĐỊNH**

**Quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng  
vùng huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND  
ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh)

**PHẦN I  
QUY ĐỊNH QUẢN LÝ**

**Điều 1.** Phạm vi, ranh giới, quy mô dân số, đất đai vùng quản lý

1. Phạm vi, ranh giới quản lý

Phạm vi bao gồm toàn bộ địa giới huyện Thiệu Hóa, gồm 24 đơn vị hành chính (22 xã và 02 thị trấn); ranh giới như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Yên Định;
- Phía Nam giáp huyện Đông Sơn, huyện Triệu Sơn và thành phố Thanh Hóa;
- Phía Đông giáp huyện Hoằng Hóa;
- Phía Tây giáp huyện Thọ Xuân và huyện Triệu Sơn.

2. Quy mô dân số, đất đai vùng quản lý

- Quy mô dân số: Dân số hiện trạng toàn huyện năm 2020: 162.599 người; dự báo dân số đến năm 2045: khoảng 190.000 người.

- Quy mô đất đai vùng quản lý: 15.992,72 ha.

**Điều 2.** Quy định về các vùng phát triển, các không gian phát triển kinh tế

1. Phân vùng phát triển

a) Vùng I (vùng kinh tế động lực của huyện):

- Gồm thị trấn Thiệu Hóa và 05 xã: Thiệu Trung, Thiệu Vận, Thiệu Long, Tân Châu, Thiệu Giao.

- Là vùng trung tâm hành chính, chính trị, văn hoá, y tế, giáo dục của huyện. Trong đó thị trấn Thiệu Hóa là trung tâm vùng. Định hướng khu vực tập trung phát triển về đô thị gắn với dịch vụ thương mại, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề kết hợp với du lịch văn hóa trải nghiệm.

b) Vùng II (vùng Tây Nam hữu ngạn sông Chu):

- Gồm thị trấn Hậu Hiền (trước là xã Minh Tâm) và 05 xã: Thiệu Toán, Thiệu Chính, Thiệu Hòa, Thiệu Viên, Thiệu Lý.

- Là vùng tập trung sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Phát triển chủ yếu theo hướng đô thị, dịch vụ và sinh thái nông nghiệp với đô thị Hậu Hiền là trung tâm của vùng.

c) Vùng III (vùng Tây tả ngạn sông Chu):

- Gồm 06 xã: Thiệu Ngọc, Thiệu Vũ, Thiệu Tiến, Thiệu Công, Thiệu Thành và Thiệu Phúc.

- Là khu vực phát triển dịch vụ thương mại, công nghiệp - TTCN, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, du lịch văn hóa tâm linh. Định hướng đô thị Ngọc Vũ là trung tâm của vùng;

d) Vùng IV (Vùng Đông tả ngạn sông Chu):

- Gồm 06 xã: Thiệu Nguyên, Thiệu Duy, Thiệu Hợp, Thiệu Giang, Thiệu Thịnh.

- Là khu vực phát triển là dịch vụ thương mại, dịch vụ vận tải, công nghiệp - TTCN, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với các điểm dân cư nông thôn. Định hướng đô thị Giang Quang là trung tâm của vùng.

2. Quy định về các không gian phát triển kinh tế

a) Không gian phát triển công nghiệp:

Đến năm 2045 toàn huyện Thiệu Hóa được quy hoạch 01 Khu công nghiệp (KCN) và 08 cụm công nghiệp (CCN) với tổng diện tích khoảng 471,0 ha, cụ thể:

\* Giai đoạn đến năm 2030: 328 ha (01 Khu công nghiệp và 02 Cụm công nghiệp).

- Khu công nghiệp Giang Quang Thịnh: 300 ha; Là Khu công nghiệp đa ngành, trong đó ưu tiên công nghiệp công nghệ cao; công nghiệp chế biến chế tạo, cơ khí, ô tô; công nghiệp dược; công nghiệp thực phẩm...

- Cụm công nghiệp Vạn Hà: 17,5 ha: Là cụm công nghiệp đa ngành nghề với các lĩnh vực chế biến nông lâm sản; cơ khí; kho bãi; sản xuất thiết bị văn phòng, thiết bị điện, điện tử... và các ngành nghề khác có liên quan.

- Cụm công nghiệp, làng nghề Thiệu Đô: 10,0 ha.

\* Giai đoạn đến năm 2045: 471,0 ha.

- Mở rộng Cụm công nghiệp Vạn Hà: từ 17,5 ha lên 50,0 ha;

- Thu hẹp Cụm công nghiệp, làng nghề Thiệu Đô: 5,0 ha;

- Cụm công nghiệp Hậu Hiền: 60,0 ha;

- Cụm công nghiệp Thiệu Ngọc: 50,0 ha;
- Cụm công nghiệp, làng nghề Trà Đông: 6,0 ha.

Quy định quản lý đối với các không gian phát triển công nghiệp: Khu công nghiệp và các cụm công nghiệp được quản lý cụ thể theo Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế; phát triển các cụm công nghiệp tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và các quy định khác của pháp luật.

Các khu vực phát triển công nghiệp không thuộc vị trí Khu công nghiệp và các cụm công nghiệp đã được xác định trong đồ án thì quản lý và thực hiện theo các quy định của quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xã;

Đầu tư phát triển các cụm công nghiệp phải gắn liền với xây dựng đồng bộ các cơ sở dịch vụ, điểm dân cư, tạo điều kiện sống và làm việc cho người lao động;

Các khu vực khai thác khoáng sản thực hiện khai thác theo quy định của Luật Khoáng sản và các quy định về sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường có liên quan.

Quy định về dải cách ly vệ sinh: Tùy theo mức độ độc hại về môi trường, giữa các công trình công nghiệp và khu dân cư phải có dải cách ly vệ sinh. Chiều rộng dải cách ly phải đảm bảo khoảng cách theo quy định tối thiểu 10 m.

Quy định về bãi phế liệu, phế phẩm: Bãi phế liệu, phế phẩm công nghiệp phải được rào chắn và không làm ảnh hưởng xấu tới điều kiện vệ sinh của các xí nghiệp xung quanh và không làm nhiễm bẩn môi trường. Bãi chứa các phế liệu nguy hiểm (dễ gây cháy nổ, dịch bệnh...) phải có biện pháp xử lý các chất độc hại và đảm bảo khoảng cách ly theo quy định.

#### b) Không gian phát triển nông nghiệp:

- Định hướng không gian phát triển Nông - Lâm nghiệp phải phù hợp với Quy hoạch tỉnh Thanh Hoá đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Thiệu Hóa giai đoạn 2021 - 2025; Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh và của huyện; Đề án phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Xây dựng các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại khu vực phía Đông Bắc thị trấn Thiệu Hóa quy mô khoảng 500 ha; Khu vực thị trấn Hậu Hiền (trước là xã Minh Tâm) quy mô khoảng 200 ha; khu vực xã Thiệu Vũ - Thiệu Tiến quy mô khoảng 200 ha; khu vực xã Tân Châu quy mô khoảng

50 ha, thu hút các nhà đầu tư. Sản phẩm nông nghiệp chủ lực: Lúa chất lượng cao; rau an toàn; hoa, cây cảnh.

- Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất nông nghiệp tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao. Phát triển nông nghiệp theo nhu cầu thị trường gắn với nông nghiệp chế biến, tăng năng suất, chất lượng sạch và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm. Thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn; đào tạo nguồn nhân lực; đưa nhanh khoa học kỹ thuật và ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp; chuyển đổi nhanh cơ cấu cây trồng vật nuôi trên cơ sở khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế, tăng hiệu quả sử dụng đất và đáp ứng tốt yêu cầu thị trường, nhất là thị trường thành phố Thanh Hóa, thành phố Sầm Sơn, thị xã Bim Sơn và hướng tới xuất khẩu.

- Huy động nguồn lực cho phát triển nông nghiệp, thủy sản; kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp; đầu tư cải tạo hệ thống hạ tầng nông nghiệp (công trình thủy lợi, điện khu sản xuất, giao thông nội đồng...); tăng cường chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho các hộ nông dân, ngư dân nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng giá trị sản phẩm/1 ha đất canh tác và hiệu quả khai thác nguồn lợi thủy sản.

- Tập trung hình thành và phát triển vùng sản xuất nông nghiệp, thủy sản tập trung gắn với chế biến, nâng cao giá trị gia tăng, đảm bảo tiêu chuẩn của các sản phẩm, tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi, xây dựng một số thương hiệu cho các sản phẩm nông nghiệp.

- Phát triển nông nghiệp, thủy sản trên gắn với xây dựng nông thôn mới và có tính đến các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh.

- Kết hợp phát triển nông nghiệp, các nông trại, các làng nghề với loại hình du lịch cộng đồng, dã ngoại.

#### c) Không gian phát triển du lịch :

- Phát triển du lịch phải gắn liền với bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, gìn giữ các không gian xanh ven sông, rừng sản xuất, đảm bảo phát triển bền vững;

- Định hướng phát triển du lịch: Trên cơ sở Đề án Phát triển du lịch huyện Thiệu Hóa giai đoạn 2022 - 2030 (Quyết định số 1679/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 của UBND tỉnh). Tập trung từng bước nâng cao tính chuyên nghiệp, phát triển các sản phẩm, loại hình du lịch có chất lượng cao, đa dạng, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, trong đó ưu tiên phát triển du lịch gắn với giữ gìn và phát huy các giá trị lịch sử, bản sắc văn hóa truyền thống của địa phương, khôi phục văn hóa làng nghề; bảo vệ môi trường, trật tự an ninh - xã hội; xây dựng nông thôn mới và gắn với chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Phát triển du lịch huyện Thiệu Hóa phù hợp với các định hướng, quy hoạch phát triển của tỉnh Thanh Hóa, trong đó, du lịch tâm linh là trọng điểm, kết hợp với du lịch

trải nghiệm làng nghề. Phát triển du lịch Thiệu Hóa với các dòng sản phẩm chính theo thứ tự ưu tiên: (1) Du lịch nghỉ dưỡng tại khu du lịch Núi Đọ; (2) Du lịch làng nghề; (3) Du lịch hệ thống du lịch sinh thái nông nghiệp; (4) Du lịch về nguồn; (5) Du lịch tâm linh; (6) Du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái... Xây dựng du lịch Thiệu Hóa trở thành điểm trung chuyển, dừng chân, kết nối phát triển du lịch với khu vực thành phố Thanh Hóa, thành phố Sầm Sơn và khu vực miền núi phía Tây của tỉnh.

- Các không gian phát triển du lịch:

+ Khu vực 1: Xã Thiệu Quang, xã Thiệu Hợp, xã Tân Châu: Cụm du lịch nghỉ dưỡng; tìm hiểu văn hóa, tâm linh; du lịch lịch sử - tiền sử; trải nghiệm làng nghề; du lịch sinh thái sông; điểm dừng chân.

+ Khu vực 2: Xã Thiệu Nguyên, thị trấn Thiệu Hóa, xã Thiệu Trung: Cụm du lịch làng nghề; du lịch sinh thái nông nghiệp; du lịch nghỉ dưỡng kết hợp với nông nghiệp; du lịch tìm hiểu văn hóa, lịch sử; là điểm dừng chân, trung chuyển.

+ Khu vực 3: Xã Thiệu Toán, xã Thiệu Vũ, xã Thiệu Tiến: Cụm du lịch tìm hiểu văn hóa, lịch sử cách mạng; du lịch về nguồn; với điểm kết nối là Di tích lịch sử cách mạng Trụ sở làm việc của Tỉnh ủy Thanh Hóa (giai đoạn 1967 - 1973), xã Thiệu Viên.

- Các tuyến du lịch được thực hiện theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Thiệu Hóa đến năm 2045 và đề án phát triển du lịch huyện Thiệu Hóa đến năm 2030 được duyệt.

d) Không gian phát triển thương mại:

- Định hướng về phát triển hệ thống chợ: Đến năm 2045 phát triển huyện Thiệu Hóa có 25 chợ (04 chợ quy hoạch mới), bao gồm: 2 chợ hạng II (chợ nông sản Thiệu Hóa và chợ Hậu Hiền) và các chợ xã, chợ khu vực được cải tạo và mở rộng tạo điều kiện cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn huyện có cơ hội kinh doanh mở rộng thị trường. Việc đầu tư xây dựng chợ phải đảm bảo các tiêu chuẩn và quy định hiện hành về chợ.

- Định hướng về phát triển hệ thống trung tâm thương mại: xây dựng tại 04 đô thị, bao gồm: Thị trấn Thiệu Hóa, đô thị Hậu Hiền, đô thị Giang Quang và đô thị Ngọc Vũ với chức năng là đầu mối các hoạt động thương mại và dịch vụ xã hội chính tiêu vùng.

**Điều 3.** Quy định về quản lý hệ thống đô thị và nông thôn

1. Quy định về quản lý hệ thống đô thị

- Giai đoạn từ năm 2020 - 2030: Toàn huyện có 03 đô thị, gồm: Thị trấn Thiệu Hóa; thị trấn Hậu Hiền; đô thị mới Giang Quang.

- Giai đoạn từ năm 2030 - 2045: Bổ sung đô thị mới Ngọc Vũ.

## 2. Quy định về quản lý hệ thống nông thôn

- Các xã phải được lập quy hoạch chung xây dựng xã để cụ thể hóa quy hoạch vùng huyện theo quy định tại Khoản 6, Điều 2, Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

- Quản lý và xây dựng các xã nông thôn theo Chương trình nông thôn mới đảm bảo mục tiêu các xã đạt chuẩn các tiêu chí nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022; xây dựng các trung tâm xã, khu dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn, các khu thủ tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, các điểm dân cư nông thôn tạo động lực mới phát triển kinh tế - xã hội cho khu vực nông thôn.

- Phát triển các điểm dân cư nông thôn với định hướng là ổn định các khu vực dân cư nông thôn gắn với sản xuất nông nghiệp; tạo ra các khu vực cộng đồng sản xuất nông nghiệp, bảo tồn và khôi phục văn hóa làng xã, thôn xóm, hỗ trợ giao thương và công nghệ sản xuất, đồng thời thu hút du lịch cộng đồng.

**Điều 4.** Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội mang tính chất vùng, liên vùng

### 1. Vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội

#### a) Hệ thống trung tâm hành chính – chính trị:

- Khu trung tâm hành chính - Chính trị cấp huyện: Xây dựng khu Hành chính - Chính trị mới tại khu vực phía Bắc trục trung tâm thị trấn, gắn với quảng trường văn hóa. Di chuyển trụ sở Huyện ủy, HĐND, UBND huyện, Công an, Bảo hiểm xã hội, Trung tâm Y tế huyện, Đài truyền thanh, Trung tâm dân số KHH gia đình, Hội người mù sang vị trí mới;

- Đối với các công trình hành chính, cơ quan cấp đô thị: Từng bước đầu tư xây dựng theo các quy hoạch đô thị được duyệt.

- Đối với các công trình hành chính, cơ quan cấp xã, thị trấn: Cải tạo chỉnh trang, nâng cấp các trụ sở UBND các xã, thị trấn đảm bảo yêu cầu trong xây dựng xã Nông thôn mới.

#### b) Hệ thống công trình y tế:

- Mở rộng bệnh viện đa khoa, nâng cấp quy mô lên 300 giường. Bệnh viện đa khoa tư nhân Đại An ổn định 340 giường; Xây dựng mới viện lão khoa và trung tâm dưỡng lão tại xã Thiệu Vận quy mô 160 giường;

- Khuyến khích phát triển xã hội hóa Bệnh viện, Phòng khám tư, cải tạo, nâng cấp hệ thống các trạm y tế thị trấn và các xã theo tiêu chuẩn ngành.



c) Hệ thống công trình giáo dục:

- Ổn định các cơ sở giáo dục cấp huyện như trường THPT, THCS, trung tâm GDNN-GDTX hiện có, sắp xếp hệ thống giáo dục cấp xã. Từng bước cải thiện cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng đào tạo và tăng thêm lớp học tùy theo nhu cầu thực tế.

- Khuyến khích phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập, đặc biệt ở khối mầm non và trường liên cấp tại các khu vực đô thị, trung tâm cụm xã.

- Hệ thống giáo dục cấp xã và giáo dục ngoài công lập sẽ được nghiên cứu cụ thể trong các quy hoạch chung đô thị và các quy hoạch chung xây dựng xã theo quy định của Luật Xây dựng và Luật Quy hoạch đô thị. Khuyến khích hình thành thêm các trường liên cấp trong các khu vực đô thị theo hình thức xã hội hóa.

d) Hệ thống công trình văn hóa – thể dục thể thao:

- Đầu tư xây dựng các công trình, thiết chế văn hóa, thể thao từ cấp huyện đến cấp xã, cấp thôn đảm bảo quy chuẩn QCVN 01: 2021/BXD; bố trí quỹ đất, ưu tiên đầu tư các tổ hợp các công trình, thiết chế văn hóa - thể thao các cấp.

- Xây dựng Trung tâm thể dục thể thao cấp huyện tại thị trấn Thiệu Hóa với các hạng mục chính: Sân vận động, nhà thi đấu đa năng trong nhà, khu thể thao dưới nước.

- Xây dựng mới Trung tâm văn hóa của huyện tại thị trấn Thiệu Hóa: Quy mô khoảng 1,5 ha, gồm các công trình: nhà bảo tàng, nhà truyền thống, nhà văn hóa thanh thiếu nhi huyện.

- Cải tạo và nâng cấp các khu trung tâm TDTT cấp xã và thị trấn hiện hữu đạt chuẩn nông thôn mới. Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa của các dân tộc; nghiên cứu, sưu tầm, phục dựng một số môn thể thao dân tộc, lễ hội dân gian; tạo điều kiện để phát triển dân ca dân vũ, làm phong phú thêm đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân, đồng thời phục vụ phát triển du lịch bền vững.

2. Vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng kỹ thuật

a) Hệ thống giao thông:

- Quốc lộ: Các tuyến Quốc lộ tuân thủ theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021. Cụ thể như sau: Đường bộ cao tốc: Quản lý chặt chẽ theo lộ giới quy hoạch của Bộ Giao thông vận tải đối với đường Cao tốc Bắc - Nam: đoạn qua đô thị Thanh Hóa quy mô 6 làn xe; Quốc lộ 45 nâng cấp, mở rộng lòng đường; đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 4 làn xe.

- Đường tỉnh: Các tuyến đường tỉnh, theo định hướng quy hoạch tỉnh (hiện trạng: 05 tuyến; quy hoạch mới 08 tuyến) cải tạo, nâng cấp xây dựng mới đạt tiêu chuẩn quy mô đường cấp III, 2-4 làn xe.

- Đường huyện: Nâng cấp, mở rộng các đoạn hiện có và xây dựng mới một số đoạn để hoàn chỉnh kết nối toàn tuyến, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, 2-4 làn xe. Các tuyến, đoạn tuyến còn lại được nâng cấp, chỉnh tuyến các đoạn khó khăn đạt tối thiểu đường cấp IV, 02 làn xe. Đảm bảo kết nối tốt các khu vực trong huyện.

- Hệ thống đường cấp đô thị, đường xã được đầu tư xây dựng theo quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn được phê duyệt với quy mô đạt tiêu chuẩn đường cấp V trở lên; Lộ giới hệ thống đường được quản lý theo quy hoạch chung các đô thị và quy hoạch nông thôn. Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị: 16-18%; mật độ đường giao thông (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy  $\geq 7,5$  m): 6,5-8 km/km<sup>2</sup>.

- Tuyến chính được khuyến nghị thiết kế quy mô từ 4-6 làn xe có bố trí dải phân cách tối thiểu 3 m, vỉa hè  $\geq 5$  m.

- Tuyến giao thông cấp khu vực, phân khu vực khuyến nghị thiết kế quy mô từ 2-4 làn xe, vỉa hè  $\geq 5$  m.

- Hệ thống đường thôn, xóm nâng cấp đạt quy mô cấp VI trở lên.

- Nút giao thông: Nút giao với tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông tại vị trí xã Thiệu Giang, là nút giao liên thông giữa tuyến đường Hoàng Xuân - Thiệu Long và tuyến cao tốc; Xây dựng 01 vị trí giao khác mức dạng cầu vượt trực thông tại vị trí giao giữa đường thành phố Thanh Hóa - Ngọc Lặc và tuyến cao tốc.

- Quy hoạch 04 bến xe trên địa bàn huyện gồm: 01 bến xe trung tâm loại IV tại thị trấn Thiệu Hóa; 03 bến loại V tại thị trấn Hậu Hiền, đô thị Giang Quang, đô thị Ngọc Vũ.

- Hệ thống bãi đỗ xe đô thị: Tại các đô thị, thực hiện quy hoạch các bãi đỗ xe đảm bảo tiêu chuẩn 2,5m<sup>2</sup>/người, tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01: 2021/BXD.

- Về giao thông công cộng: Tiếp tục khai thác, nâng cấp tuyến xe buýt hiện có. Trên cơ sở mạng lưới tuyến xe buýt nội tỉnh và liên kết trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã được Chủ tịch UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 06/6/2022, đề xuất xây dựng các tuyến xe buýt nhằm tăng cường kết nối huyện với các khu vực trọng điểm trong và ngoài tỉnh.

- Về giao thông đường thủy, bến thủy nội địa: Tuân thủ theo Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2045. Khai thác tuyến sông Chu làm tuyến thủy nội địa cấp IV của quốc gia. Xây dựng 03 bến thủy gồm Bến Vạn Hà (tại Thị trấn Thiệu Hóa); Bến Thiệu Phúc (tại xã Thiệu Phúc); Bến Thiệu Minh (tại thị trấn Hậu Hiền).

## b) Hệ thống công trình cấp nước:

- Cấp nước phục vụ nông nghiệp: Hệ thống kênh và phương án cấp nước thực hiện theo dự án thủy lợi vùng Nam sông Mã, Bắc sông Chu (hệ thống cửa Đạt).

- Nhà máy nước: Xây dựng 04 nhà máy nước, tổng công suất 53.000 m<sup>3</sup>/ngđ, bao gồm:

+ Nâng cấp nhà máy nước Thiệu Đô: Công suất 11.000 m<sup>3</sup>/ngđ; đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch cho thị trấn Thiệu Hóa.

+ Nhà máy nước Núi Go (Tân Châu): Công suất 13.000 m<sup>3</sup>/ngđ; Khu vực cấp: 10 xã huyện Thiệu Hóa: Tân Châu, Thiệu Giao, Thiệu Trung, Thiệu Vận, Thiệu Lý, Minh Tâm, Thiệu Viên, Thiệu Toán, Thiệu Chính, Thiệu Hòa và 02 xã Đông Thanh, Đông Khê huyện Đông Sơn..

+ Xây dựng nhà máy nước Thiệu Hợp: Công suất 13.000 m<sup>3</sup>/ngđ; Khu vực cấp: Thiệu Giang, Thiệu Quang, Thiệu Thịnh, Thiệu Hợp, Thiệu Nguyễn, Thiệu Duy và khu công nghiệp Giang Quang Thịnh.

+ Xây dựng nhà máy nước Thiệu Phúc: Công suất 16.000 m<sup>3</sup>/ngđ. Khu vực cấp: Thiệu Vũ, Thiệu Phúc, Thiệu Tiến, Thiệu Công, Thiệu Thành, Thiệu Ngọc, Thiệu Phú, Thiệu Long.

Đối với các khu vực nông thôn không tiếp cận được đường ống từ các trạm nước sạch, xây dựng các công trình cấp nước sạch tập trung và các công trình nước sạch nhỏ lẻ, đảm bảo theo Quy chuẩn hiện hành.

## c) Hệ thống cấp điện:

- Nguồn điện: Lấy từ các trạm 220 kV, trạm 110 kV Núi 1, trạm biến áp 110 kV Thiệu Phú.

- Xây dựng trạm biến áp: 01 trạm biến áp 500 kV công suất 500MVA dự kiến tại xã Thiệu Phúc và Thiệu Tiến; 01 trạm biến áp 110 kV Thiệu Phú, công suất ban đầu là 40MVA - 110/35/22 kV, giai đoạn sau nâng cấp lên 2x63MVA – 110/35/22 kV;

- Từng bước đồng bộ hóa lưới điện tiêu chuẩn 22 kV, trong đó ngầm hóa lưới điện 22 kV tại các đô thị, khu, cụm công nghiệp.

- Khu vực các xã sử dụng đường dây nổi, các tuyến đường dây 35 kV và 22 kV hiện có vẫn được giữ nguyên. Các trạm trong biến áp phụ tải của từng nhà máy tham gia vào khu công nghiệp do bản thân nhà máy lựa chọn công suất.

## d) Hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động:

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng viễn thông thụ động có công nghệ hiện đại, phù hợp với phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông theo quy hoạch tỉnh Thanh Hoá.

- Khi xây dựng quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng xã, Quy hoạch chi tiết xây dựng sẽ tính toán vị trí, diện tích xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông (nhà trạm, cột ăng ten), đảm bảo cung cấp các dịch vụ viễn thông; mạng cáp quang triển khai đến 100% thôn, khu phố, cụm dân cư; Phủ sóng 4G/5G thế hệ mới sau 5G đến 100% thôn, khu phố, cụm dân; ngầm hóa hệ thống cáp thông tin liên lạc tại các khu vực trung tâm đô thị, các khu đô thị mới và khu vực công trình công cộng đô thị; từng bước hạ ngầm hệ thống cáp thông tin liên lạc tại các khu đô thị hiện hữu.

- Diện tích 01 trạm viễn thông xây dựng mới tối thiểu là 150 m<sup>2</sup>; Diện tích xây dựng cột ăng ten tối thiểu là 80 m<sup>2</sup> (xác định cụ thể trong các quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xã trên địa bàn).

e) Hệ thống thoát nước thải:

- Xây dựng các trạm xử lý nước thải (XLNT) tập trung cho khu vực đô thị theo quy hoạch. Căn cứ vào dự báo nhu cầu xử lý nước thải tập trung trên địa bàn huyện, xây dựng 06 nhà máy xử lý nước thải tập trung, đảm bảo xử lý tổng lượng nước thải đến năm 2045 là 43.000 m<sup>3</sup>/ngđ.

- KCN và các CCN, kể cả các nhà máy sản xuất đơn lẻ bắt buộc xây dựng trạm xử lý nước thải riêng ngay từ khi đầu tư xây dựng.

- Các khu hoặc cụm dân cư, khu đô thị mới, hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, chợ, trường học hoặc các khu vực bị hạn chế bởi đất đai, địa hình... không có khả năng hoặc chưa thể kết nối với hệ thống thoát nước tập trung thì phải có định hướng áp dụng giải pháp xử lý nước thải phi tập trung theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

f) Hệ thống thu gom thải rắn:

- Rác thải sinh hoạt của huyện sẽ được thu gom, vận chuyển đến Nhà máy xử lý rác thải tập trung tại xã Thiệu Thịnh, công nghệ đốt hoặc công nghệ hỗn hợp phục vụ nhu cầu xử lý rác thải cho vùng huyện.

- Các khu vực khác bố trí các khu trung chuyển tập kết rác đưa về khu xử lý tập trung.

g) Hệ thống nghĩa trang:

- Xây dựng nghĩa trang nhân dân cấp huyện tập trung tại 02 khu vực thị trấn Thiệu Hóa quy mô 15 ha và đô thị Hậu Hiền quy mô 10 ha, có đủ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo mỹ quan và không ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường khu vực lân cận. Nghĩa trang đô thị theo quy hoạch chung đô thị được duyệt.

- Mỗi xã bố trí 01 nghĩa trang tập trung cấp xã được xác định trong quy hoạch chung xây dựng xã, việc bố trí vị trí phải đảm bảo bán kính phục vụ cho toàn xã.

**Điều 5.** Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật chính theo tuyến mang tính chất vùng, liên vùng và các biện pháp bảo vệ môi trường

### 1. Hệ thống giao thông

a) Phạm vi hành lang bảo vệ các tuyến đường phải đảm bảo theo quy định của Luật Giao thông đường bộ; Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định 100/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ;

b) Việc quản lý đầu tư xây dựng công trình phải đảm bảo tuân thủ đúng chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của các tuyến đường theo các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng, quy hoạch chung xây dựng xã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

c) Phạm vi hành lang bảo vệ các tuyến đường thủy nội địa phải đảm bảo theo quy định tại Luật Giao thông đường thủy nội địa; Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

### 2. Hệ thống cấp nước

a) Các yêu cầu bảo vệ, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước: Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ.

b) Quy định về vùng bảo vệ công trình cấp nước:

- Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; QCVN 01:2018/BYT Quy chuẩn quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Khu vực bảo vệ của điểm lấy nước, công trình cấp nước tuân thủ theo quy định tại Bảng 2.20 QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Trong khu vực bảo vệ cấp I nghiêm cấm các hoạt động sau: xây dựng công trình nhà ở; xả nước thải, chất thải rắn, chăn nuôi, chăn thả gia súc, gia cầm, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, khai thác khoáng sản; sử dụng hóa chất độc, phân hữu cơ và phân khoáng để bón cây.

- Trong khu vực bảo vệ cấp II: nước thải, chất thải từ các hoạt động sinh hoạt, dịch vụ và sản xuất phải được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn về môi trường.

### 3. Hệ thống xử lý nước thải

a) Hệ thống xử lý nước thải tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 15/2021/TT-BXD ngày 15/15/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về công trình hạ tầng kỹ thuật thu gom, thoát nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

b) Nước thải sinh hoạt đô thị, y tế, khu công nghiệp, làng nghề phải được xử lý đảm bảo các quy định tại các quy chuẩn môi trường đối với nước thải trước khi xả ra nguồn tiếp nhận và các quy chuẩn liên quan khác. Bùn thải hệ thống thoát nước phải được thu gom, xử lý theo quy định hoặc vận chuyển đến cơ sở xử lý CTR tập trung.

c) Khoảng cách an toàn môi trường của trạm bơm nước thải, nhà máy XLNT, trạm XLNT quy hoạch mới tuân thủ theo quy định tại Bảng 2.22 QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng. Phải bố trí dải cây xanh cách ly quanh khu vực xây dựng nhà máy XLNT, trạm XLNT quy hoạch mới với chiều rộng  $\geq 10$  m. Trong phạm vi khoảng cách an toàn về môi trường chỉ được quy hoạch đường giao thông, bãi đỗ xe, công trình cấp điện, trạm trung chuyển chất thải rắn và các công trình khác của trạm bơm nước thải, trạm XLNT, không bố trí các công trình dân dụng khác.

### 4. Hệ thống cấp điện

a) Quản lý hành lang an toàn đường điện, công trình điện phải tuân thủ theo Luật Điện lực năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực năm 2012; Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện; Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 về quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

b) Khi lập các quy hoạch đô thị, nông thôn trên địa bàn phải dành quỹ đất bố trí hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không tuân thủ theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 về quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

c) Quản lý không gian công trình điện: Trong khu vực nội thị, hệ thống đường dây hạ thế và chiếu sáng xây mới phải quy hoạch đi ngầm, hệ thống đường dây hạ thế và chiếu sáng hiện hữu phải được cải tạo theo hướng hạ ngầm. Ngoài ra các công trình cấp điện phải tuân thủ QCVN 07-5:2016/BXD.

## 5. Hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động

Thực hiện quản lý phạm vi bảo vệ hành lang an toàn công trình viễn thông theo quy định tại QCVN07-8:2016/BXD Quy chuẩn Quốc gia Công trình viễn thông và QCVN 33:2019/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông.

## 6. Hệ thống công trình xử lý chất thải rắn, nghĩa trang

### a) Công trình xử lý chất thải rắn:

- Quản lý chất thải rắn phải tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường;

- Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình rác thải tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-9:2016/BXD – Công trình quản lý chất thải rắn và nhà vệ sinh công cộng;

- Quy định về khoảng cách an toàn môi trường của trạm trung chuyển chất thải rắn, cơ sở xử lý chất thải rắn tuân thủ theo quy định tại mục 2.12.4 QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

- Trong vùng an toàn môi trường của các công trình xử lý thuộc trạm trung chuyển chất thải rắn cố định, cơ sở xử lý chất thải rắn chỉ được quy hoạch các công trình giao thông, thủy lợi, tuyến và trạm điện, hệ thống thoát nước, XLNT và các công trình khác thuộc trạm trung chuyển chất thải rắn cố định, cơ sở xử lý chất thải rắn, không được bố trí các công trình dân dụng khác.

### b) Công trình nghĩa trang:

- Quản lý hệ thống nghĩa trang tuân thủ Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang; Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27/12/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật. Quy định về phạm vi bảo vệ hành lang công trình nghĩa trang tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-9:2016/BXD - Công trình nghĩa trang.

- Quy định về sử dụng nghĩa trang và hình thức an táng: Sử dụng nghĩa trang tập trung xác định trong quy hoạch, ưu tiên hình thức hỏa táng. Đóng cửa dần đối với dịch vụ hung táng, cải tạo thành công viên đối với các nghĩa trang không đảm bảo khoảng cách ly hoặc đã lấp đầy;

- Khoảng cách an toàn về môi trường của nghĩa trang phải tuân thủ theo quy định tại Bảng 2.25 QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

## 7. Công trình Thủy lợi

Hành lang bảo vệ công trình Thủy lợi (Hồ, đập, trạm bơm, kênh) đảm bảo không bố trí công trình xây dựng trong phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi theo quy định tại Điều 40 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 và Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 09/11/2018 của UBND tỉnh để đảm bảo không gây cản trở việc vận hành và an toàn công trình.

## 8. Công trình hạ tầng kỹ thuật khác

Phạm vi bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật khác tuân thủ các quy định chuyên ngành hiện hành liên quan.

## 9. Các biện pháp bảo vệ môi trường

a) Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường;

b) Thực hiện các giải pháp bảo vệ thiên nhiên, các di sản văn hóa - lịch sử phục vụ cho phát triển du lịch dịch vụ; xử lý hiện trạng ô nhiễm môi trường; đảm bảo an toàn cho nguồn cấp nước sinh hoạt, tưới tiêu, bảo vệ môi trường đất, môi trường không khí; bảo vệ các hệ sinh thái đặc trưng;

c) Giám sát, xử lý các vi phạm gây ô nhiễm; đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường đối với từng dự án; tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ thích hợp trong các hoạt động bảo vệ môi trường.

**Điều 6.** Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, các công trình kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa

1. Bảo tồn các di sản thiên nhiên, danh lam thắng cảnh và cảnh quan tự nhiên

Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên khu vực hành lang sông Mã, khu vực cảnh quan dọc sông Cầu Chày, núi Voi, hồ sen Đa Ngọc, cảnh quan đồi núi khu vực phía Tây Bắc huyện... Việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản thiên nhiên, danh lam thắng cảnh, cảnh quan tự nhiên, các công trình kiến trúc có giá trị, di tích lịch sử văn hoá đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt quy định của Luật Di sản Văn hoá, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Lâm nghiệp; các Nghị định của Chính phủ: số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010; số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 và Thông tư số 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ VHTT&DL quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; các quy định hiện hành khác của pháp luật.



## 2. Bảo tồn và phát huy giá trị các công trình kiến trúc có giá trị, di tích lịch sử văn hoá

Việc xác định và quản lý các công trình kiến trúc có giá trị được thực hiện theo quy định tại Điều 13, Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14.

Bảo tồn và phát huy các di tích lịch sử, văn hoá được thực hiện theo điều 32 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 và điều 14 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa; Nghị định số 710/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 của Chính phủ quy định thẩm quyền trình tự thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử, văn hoá danh lam thắng cảnh; Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ và Thông tư số 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ VHTT&DL quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

a) Tổ chức không gian: Quản lý chặt chẽ việc cải tạo, xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và kiến trúc trong phạm vi xung quanh các hạng mục công trình di tích lịch sử, danh lam, danh thắng.

b) Bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích:

- Bảo quản, tu bổ, phục hồi nguyên trạng công trình di tích, đảm bảo tuân thủ theo quy định của Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12; Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ và Thông tư số 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ VHTT&DL quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;

- Xác định hình thức bảo tồn, tôn tạo phù hợp với tính chất của từng loại di tích, đảm bảo thực hiện theo Luật Di sản văn hóa và Quy chế bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử-văn hoá, danh lam thắng cảnh tại Thông tư số 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ VHTT&DL quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

c) Về cảnh quan di tích và khu vực được phép xây dựng:

- Tổ chức cảnh quan xung quanh khu vực di tích đảm bảo sự hài hòa, tôn tạo và phát huy được các giá trị của di tích, tạo lập môi trường sinh thái, cảnh quan thích hợp với các hoạt động tín ngưỡng, văn hoá tâm linh của nhân dân và du khách thập phương;

- Không bố trí các hoạt động kinh doanh trong khu vực bảo vệ di tích (đặc biệt là khu vực I của di tích – khu vực bảo vệ nghiêm ngặt), các hoạt động kinh

doanh được bố trí chuyển sang khu vực bảo vệ cảnh quan di tích và khu vực được phép xây dựng các công trình.

## **PHẦN II**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 7.** Phân công và quy định trách nhiệm quản lý.

1. UBND huyện Thiệu Hóa có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện công bố, công khai quy định quản lý theo quy định;
- Hướng dẫn UBND các xã, thị trấn quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy định và quy hoạch chung đô thị được duyệt;
- Tổ chức chỉ đạo UBND các xã, thị trấn theo thẩm quyền được giao, quản lý chặt chẽ, toàn diện các hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, phát triển cải tạo và quản lý không gian kiến trúc cảnh quan theo đúng đồ án Quy hoạch vùng huyện Thiệu Hóa đến năm 2045 và Quy định quản lý đã được phê duyệt; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về công tác thực hiện theo quy hoạch.

2. Sở Xây dựng và các ngành, đơn vị liên quan theo chức năng quản lý ngành có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra và hướng dẫn UBND cấp huyện thực hiện Quy định này.

**Điều 8.** Quy định này được ban hành và lưu trữ tại.

- UBND huyện Thiệu Hóa; UBND các xã, thị trấn thuộc huyện Thiệu Hóa.
- Các Sở, ngành: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Thông tin và Truyền thông, Viện Quy hoạch – Kiến trúc Thanh Hóa./.